

Số: /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 264/KH-UBND ngày 19/12/2023 về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh đã ban hành Quyết định số 04/QĐ-BCĐ ngày 06/6/2024 phê duyệt Kế hoạch chi tiết triển khai năm 2024. Đây là cơ sở pháp lý để chỉ đạo, triển khai hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số trong năm.

Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh đã tổ chức đánh giá và công bố kết quả xếp hạng mức độ chuyển đổi số năm 2023¹; đồng thời, quan tâm, chú trọng công tác kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

b) Tồn tại, hạn chế

Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quyết liệt trong công tác chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số của tỉnh, tiến độ thực hiện một số nhiệm vụ còn chậm. Công tác phối hợp giữa các ngành, các địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số có thời điểm chưa chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.

2. Hoàn thiện thể chế số

a) Kết quả đạt được

Trong năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh đã ban hành **11** Quyết định, **07** Kế hoạch để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chuyển đổi số toàn diện trên 03 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

(Có danh sách chi tiết kèm theo).

b) Tồn tại, hạn chế

Hiện nay, việc thực hiện một số chính sách về chuyển đổi số (theo hướng dẫn

¹ Quyết định số 03/QĐ-BCĐ ngày 23/5/2024 của Trường Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh phê duyệt Kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số năm 2023 tại các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

của Bộ Thông tin và Truyền thông) trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn như: Chính sách tỷ lệ chi tối thiểu và hướng dẫn định mức chi cho ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; chính sách thuê chuyên gia chuyển đổi số; chính sách chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa... do chưa có văn bản pháp lý hướng dẫn cụ thể và nguồn kinh phí của địa phương còn hạn chế.

3. Hạ tầng số

a) Kết quả đạt được

Các dịch vụ trên hạ tầng băng rộng cố định và di động băng rộng tiếp tục được đẩy mạnh phát triển; từng bước được cải tạo, nâng cấp, ngầm hóa và phát triển cơ sở hạ tầng cáp quang bảo đảm an toàn, dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ sóng trên toàn tỉnh²; mạng truyền số liệu chuyên dùng được triển khai đến 100% cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã. Đến cuối năm 2024, trên địa bàn tỉnh đã lắp đặt và phát sóng 27 trạm 5G;... tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương.

Hạ tầng số được đầu tư, xây dựng và đi vào hoạt động hiệu quả như: Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến hoạt động thông suốt với 169 điểm cầu, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành từ Trung ương đến cấp xã³; Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC) tiếp tục được duy trì hoạt động 24/7 phục vụ công tác điều hành của lãnh đạo tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh đã được nâng cấp và tích hợp 167 Trang thông tin điện tử thành phần; Cổng cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh kết nối các dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, khai thác cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động, người dân trên địa bàn tỉnh; Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh tiếp tục được vận hành, khai thác sử dụng hiệu quả với 50 máy chủ ảo, 12 hệ thống thông tin/nền tảng/phần mềm. Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung cấp tỉnh (LGSP) tiếp tục được duy trì hoạt động ổn định, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu (đảm bảo hoạt động cho 25 dịch vụ dữ liệu của tỉnh và của các bộ, ngành⁴).

b) Tồn tại, hạn chế

Tiến độ triển khai thực hiện ngầm hóa hệ thống đường truyền Internet cáp quang còn chậm do chi phí đầu tư ngầm hóa hạ tầng viễn thông lớn, khó khăn trong việc thi công do vướng mắc giải phóng mặt bằng và phụ thuộc vào kế hoạch phát

² Hạ tầng mạng lưới viễn thông của tỉnh hiện có khoảng 1.340 vị trí lắp đặt trạm thu phát sóng BTS đang hoạt động; đưa dịch vụ Internet cáp quang đến 100% trung tâm các xã, phường, thị trấn và gần 94,05% số thôn, tổ nhân dân có hạ tầng Internet băng rộng cáp quang; phủ sóng thông tin di động gần 98% số thôn, tổ nhân dân có hạ tầng thông tin di động ổn định.

³ Trong năm 2024, khoảng 90 cuộc họp được tổ chức trực tuyến từ trung ương và từ tỉnh đến xã qua Hệ thống phục vụ công tác chỉ đạo điều hành các cấp.

⁴ (1) CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức (Bộ Nội vụ); (2) Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu về trợ giúp xã hội; (3) CSDL quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp); (4) CSDL quốc gia về Giá (Bộ Tài chính); (5) Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông); (6) Cổng Dịch vụ công của Bộ Xây dựng; (7) Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam; (8) Hệ thống mã bưu chính Vpostcode (Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam); (9) Hệ thống dịch vụ, tiện ích của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN); (10) Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); (11) Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia (phân hệ tập trung tại Bộ Tài nguyên và Môi trường); (12) Cơ sở dữ liệu đăng kiểm phương tiện (Bộ Giao thông vận tải); (13) Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp); (14) Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp); (15) Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); (16) Cổng liên thông TNMT-Thuế (Bộ Tài nguyên và Môi trường); (17) Hệ thống quản lý giao thông vận tải (Bộ Giao thông vận tải). Kết nối LGSP đối với các CSDL/HTTT của tỉnh: (18) Phần mềm Quản lý Thi đua khen thưởng của Sở Nội vụ; (19) Hệ thống CSDL về lập kế hoạch thanh tra và xử lý chồng chéo; (20) Phần mềm quản lý Di sản văn hóa; (23) Hệ thống CSDL ngành nông nghiệp (WebGIS) tỉnh Tuyên Quang; (24) Phần mềm chấm điểm xác định chỉ số CCHC các cấp. (25) Đánh giá CCHC và đo lường sự hài lòng người dân, tổ chức.

triển hạ tầng hằng năm của các doanh nghiệp viễn thông, kế hoạch phát triển đô thị của các huyện, thành phố.

4. Bồi dưỡng, phát triển nhân lực

a) Kết quả đạt được

Việc bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực được tỉnh quan tâm, chỉ đạo thực hiện như: Thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh⁵; duy trì hoạt động của 1.868 Tổ Công nghệ số cộng đồng⁶ với tổng số 10.257 thành viên. Các thành viên được tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số qua hình thức tập huấn trực tiếp và trực tuyến do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

b) Tồn tại, hạn chế

Việc tập huấn chuyển đổi số qua hình thức trực tuyến chưa mang lại hiệu quả cao (*chỉ có tương tác 1 chiều*); một số lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức chưa quan tâm, hiểu rõ về chuyển đổi số và chưa sử dụng thành thạo thiết bị số, gặp nhiều vướng mắc trong công việc.

Kỹ năng số của người dân chưa đồng đều (*nhất là ở cấp xã*); việc tiếp cận và sử dụng các nền tảng số, ứng dụng số của người dân lớn tuổi còn nhiều hạn chế.

5. Dữ liệu số

a) Kết quả đạt được

Tỉnh đã ban hành danh mục dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở giúp các cơ quan, đơn vị dần hình thành kho dữ liệu số của ngành, cụ thể như: Cổng cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh đã kết nối thông tin vùng sản xuất trồng trọt hữu cơ; diện tích, năng suất, sản lượng một số loại cây trồng; bảng giá vật liệu xây dựng; các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu; danh sách địa điểm du lịch; danh sách công ty lữ hành; dữ liệu về công báo điện tử cấp tỉnh; tài liệu địa chí;... trên địa bàn tỉnh.

b) Tồn tại, hạn chế

Việc kết nối, tích hợp, chia sẻ các cơ sở dữ liệu/Hệ thống thông tin giữa các bộ, ngành, địa phương gặp nhiều khó khăn do phải phối hợp với nhiều cơ quan, đơn vị; tỷ lệ các dữ liệu dùng chung của các cơ quan, đơn vị với các nền tảng số dùng chung của tỉnh chưa cao; tạo lập cơ sở dữ liệu chuyên ngành còn chậm.

6. An toàn thông tin mạng

a) Kết quả đạt được

Hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC) tỉnh hoạt động liên tục, ổn định, giám sát 24/24 các Hệ thống thông tin, máy tính trên địa

⁵ Trong năm 2024, khoảng 600 cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số; khoảng 1.946 cán bộ, công chức, viên chức tham gia tập huấn trực tuyến về chuyển đổi số trên nền tảng MOOC của Bộ Thông tin và Truyền thông; khoảng 850 học viên đăng ký tham gia học tập, bồi dưỡng tập huấn an toàn an ninh thông tin năm 2024 qua hình thức trực tuyến tại địa chỉ: <https://tuyenquang.mobiedu.vn/>.

⁶ Cấp xã: 137 tổ (với 1.400 thành viên), cấp thôn: 1.731 tổ (với 8.416 thành viên).

bàn tỉnh, có 3.353 máy tính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương địa bàn tỉnh đã được triển khai giải pháp phòng, chống mã độc, được kết nối và theo dõi tập trung, chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia. Đến hết ngày 31/12/2024 có 38 hệ thống thông tin đã được tỉnh phê duyệt cấp độ an toàn thông tin.

b) Tồn tại, hạn chế:

Công chức, viên chức phụ trách về an toàn thông tin (ATTT) được bồi dưỡng những kiến thức ATTT cơ bản; chưa được tập huấn chuyên sâu về ATTT, thiếu điều kiện thực hành để nâng cao trình độ, kỹ năng khai thác thông tin trên môi trường mạng.

7. Chính quyền số

a) Kết quả đạt được

- Ứng dụng, dịch vụ nội bộ:

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục sử dụng hiệu quả các hệ thống dùng chung của tỉnh để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành: Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành: Trong năm 2024, có khoảng 150.000 văn bản được gửi và 515.000 văn bản nhận trên hệ thống; tỷ lệ văn bản điện tử trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước đạt 100% (*trong đó, tỷ lệ văn bản trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử đạt 99%; tỷ lệ văn bản trao đổi dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy đạt 01% (không bao gồm các văn bản mật)*). Khoảng 3.680 chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ đã được cấp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương (*trong đó: Số lượng chữ ký số cá nhân 3.099, tổ chức 581*). 100% công chức trong các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh tới cấp xã được gắn định danh số trong xử lý công việc thông qua việc sử dụng các tài khoản trên Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và điều hành.

- Dịch vụ công trực tuyến:

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đã kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an. Đến nay người dân, doanh nghiệp khi đăng nhập bằng tài khoản định danh điện tử đã được xác thực thông suốt và hợp nhất trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; Chữ ký số công cộng và Trợ lý ảo iSee hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, cán bộ khi tham gia vào quá trình thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến.

Hệ thống đã được tích hợp, kết nối với Phần mềm Dịch vụ công liên thông của Bộ Công an (*Hệ thống dịch vụ công liên thông*), giúp cho người dân thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi, theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ.

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh cung cấp 1.899 thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trong đó, 950 thủ tục được cung cấp DVCTT toàn trình (tỷ lệ đạt 50%), 742 thủ tục được cung cấp DVCTT một phần (tỷ lệ đạt 39%), 207 thủ tục là dịch vụ cung cấp thông tin trực

tuyển (tỷ lệ đạt 11%). Trong năm 2024, tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến toàn trình và một phần đạt 98,26% (tăng 0,11% so với năm 2023); tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 96,51% (tăng 0,31% so với năm 2023).

b) Tồn tại, hạn chế

- Phần lớn công chức, viên chức làm công tác tham mưu về CNTT, chuyên đổi số tại các cơ quan chỉ thực hiện nhiệm vụ phụ trách, kiêm nhiệm nên đôi khi chưa kịp thời chủ động tham mưu thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, chất lượng chưa cao.

- Kỹ năng ứng dụng công nghệ số của người dân không đồng đều, vẫn còn bị động khi thực hiện các thủ tục hành chính, cần cán bộ hướng dẫn, hỗ trợ; người dân ở gần vẫn đến trực tiếp trụ sở cơ quan nhà nước giải quyết TTHC theo thói quen.

8. Kinh tế số và Xã hội số

a) Kết quả đạt được

- Kinh tế số:

Các Ngân hàng trên địa bàn tỉnh đã đẩy mạnh triển khai các dịch vụ ngân hàng số, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ ngân hàng; phát triển các dịch vụ thanh toán hiện đại, tiện lợi, đảm bảo an ninh, an toàn trong thanh toán⁷. Trên 800 đơn vị hưởng lương ngân sách thực hiện trả lương qua tài khoản và trên 780.000 tài khoản ngân hàng được mở tại các Ngân hàng đáp ứng điều kiện thanh toán không dùng tiền mặt cho người dân; có khoảng 2.000 doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện nộp thuế qua ngân hàng; 100% huyện, thành phố đã triển khai thực hiện chi trả lương hưu qua ngân hàng cho các đối tượng thụ hưởng. Các Ngân hàng thương mại tiếp tục kết nối cung cấp các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt thông qua các phương thức, như: Chuyển khoản, POS, QR code,... để thu tiền điện, tiền nước, học phí, viện phí,...

Có 296.135 tài khoản Mobile Money, ví điện tử (do VNPT, Viettel triển khai cung cấp dịch vụ) đang hoạt động trên địa bàn tỉnh để khách hàng có thể thanh toán các giao dịch trực tuyến một cách dễ dàng, thuận tiện. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt khoảng 85%;... Doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng nền tảng công nghệ số trong việc sử dụng hóa đơn điện tử đạt tỷ lệ 100%.

Thực hiện Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử giai đoạn 2020-2025, tỉnh đã tập trung phát triển thương mại điện tử, các loại hình thương mại dựa trên nền tảng số hóa; xây dựng phần mềm quản lý chương trình khuyến mại và hỗ trợ doanh nghiệp trong tỉnh xúc tiến bán hàng trong thương mại điện tử. Sàn Thương mại điện tử tỉnh hiện có 1.009 doanh nghiệp đăng ký tham gia với 2.532 sản phẩm về nông, lâm, thủy sản, dịch vụ du lịch, lữ hành,... phục vụ khách hàng trên toàn quốc. Có 238 sản phẩm của 237 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh được giới thiệu trên Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”.

⁷ Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 09 ngân hàng với 70 địa điểm giao dịch; hệ thống máy giao dịch và thiết bị chấp nhận thanh toán gồm có: 01 ngân hàng số và 95 máy giao dịch tự động ATM/CDM, khoảng 599 POS/mPOS, trên 77.500 QR Pay, QR code, Viet QR đang hoạt động.

Tiếp tục duy trì 19 mô hình⁸ chợ 4.0 tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh, giúp người dân trải nghiệm và tiếp cận với các phương thức thanh toán hiện đại không dùng tiền mặt, kích thích hoạt động mua sắm, góp phần xây dựng xã hội số, kinh tế số theo mục tiêu chương trình chuyển đổi số trên địa bàn. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu hàng hóa lồng ghép các hoạt động xúc tiến thương mại phát triển thị trường trong nước vào các chương trình kích cầu tiêu dùng, các sáng kiến kết nối cung cầu hàng hóa, hỗ trợ các giải pháp chăm sóc và quản trị khách hàng cho các doanh nghiệp; các giải pháp bán hàng thông minh cho các cửa hàng bán lẻ trên địa bàn tỉnh;... để thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển đổi số, phát triển kinh tế số.

- Xã hội số:

Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng mạng lưới, cung cấp dịch vụ mạng di động 4G/5G, đường truyền Internet tốc độ cao để thúc đẩy, tăng tỷ lệ sử dụng điện thoại thông minh của người dân; đẩy mạnh thanh toán điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn toàn tỉnh.

Triển khai các kênh tiếp nhận và giải quyết phản ánh, kiến nghị, phản ánh hiện trường của người dân như: Ứng dụng Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang, Cổng thông tin điện tử tỉnh, và Trang ZaloOA "Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang";... góp phần thúc đẩy sự tham gia của người dân trong việc giải quyết các vấn đề của địa phương.

Trên địa bàn toàn tỉnh có hơn 20 doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát hoạt động theo nhiều mô hình khác nhau. Có 205 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính, chuyển phát trên địa bàn tỉnh tiếp tục được duy trì hoạt động phục vụ người dân và doanh nghiệp. 100% các xã có thư báo đến trong ngày.

b) Tồn tại, hạn chế

- Sàn Thương mại điện tử của tỉnh chủ yếu chỉ giới thiệu, quảng bá các sản phẩm, chưa thực hiện được chức năng giao dịch trực tuyến trên Sàn;

- Kinh tế số có phạm vi rộng, liên quan nhiều ngành nghề, lĩnh vực, thuộc nhiều cơ quan, đơn vị, trong khi công cụ giám sát, thu thập số liệu, đo lường giá trị tăng thêm của kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực và trong GRDP của tỉnh còn gặp khó khăn, thách thức;

- Kỹ năng số của người dân chưa đồng đều, tập trung chủ yếu ở giới trẻ; tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh chưa cao nên việc sử dụng các ứng dụng số trên thiết bị di động của người dân còn nhiều hạn chế.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

a) Kết quả đạt được

⁸ Thành phố Tuyên Quang (03 chợ: An Phú, Tam Cờ, Phan Thiết); huyện Hàm Yên (06 chợ: Km39, Thái Hòa, Đức Ninh, Bình Xa, Minh Hương, Tân Thành); huyện Chiêm Hóa (02 chợ: Trung tâm huyện Chiêm Hóa, Hòa Phú); huyện Lâm Bình (05 chợ: Trung tâm huyện Lâm Bình, Khuôn Hà, Bình An, Hồng Quang, Thượng Lâm); huyện Na Hang (03 chợ: Trung tâm huyện Na Hang, Đà Vị, Yên Hoa). Hiện nay, huyện Sơn Dương đang phối hợp với Viettel và VNPT khảo sát triển khai mô hình chợ 4.0 trên địa bàn huyện. Huyện Yên Sơn chưa triển khai mô hình chợ 4.0.

Công tác truyền thông về chuyển đổi số được các cơ quan báo chí đẩy mạnh qua nhiều hình thức, như: Tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử tỉnh; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Trạm truyền thanh cơ sở; các trang mạng xã hội;... gắn với chủ đề năm 2024 “*Phát triển kinh tế số với 04 trụ cột công nghiệp công nghệ thông tin, số hóa các ngành kinh tế, quản trị số, dữ liệu số - Động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững*”⁹.

Hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia, tỉnh đã ban hành Kế hoạch¹⁰ triển khai tổ chức thực hiện, tổ chức Hội thảo “*Tăng cường Hạ tầng số và đổi mới sáng tạo ứng dụng số để phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*”. Các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh hưởng ứng, thực hiện bằng các hình thức như: Treo băng zon, khẩu hiệu tuyên truyền theo chủ đề ngày chuyển đổi số hàng năm...

b) Tồn tại, hạn chế

Hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số đã được triển khai phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, tuy nhiên các hoạt động chủ yếu tập chung tại khu vực trung tâm thành phố và các huyện.

10. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 là: **92.013,235** triệu đồng, trong đó:

- Nguồn kinh phí sự nghiệp: 68.673,618 triệu đồng;
- Nguồn kinh phí đầu tư: 16.855,990 triệu đồng;
- Nguồn kinh phí xã hội hóa: 2.167,000 triệu đồng;
- Nguồn kinh phí khác: 3.813,627 triệu đồng.

(Có Phụ lục I và Phụ lục III kèm theo)

⁹ Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tiếp tục duy trì phát sóng trên 800 lượt tin, bài, phóng sự tuyên truyền về tình hình, kết quả triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; Cổng Thông tin điện tử tỉnh đăng tải khoảng 90 tin, bài viết; Báo Tuyên Quang online đã đăng tải khoảng 80 tin, bài viết liên quan tới chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; Chuyên trang Chuyển đổi số tỉnh đăng tải khoảng 40 tin, bài viết về chuyển đổi số của tỉnh; Hệ thống truyền thanh cơ sở của 07/07 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát triển các chuyên mục riêng về chuyển đổi số với đảm bảo tần suất phát sóng 01 lần/tuần để tuyên truyền các nội dung về chuyển đổi số tới người dân trên địa bàn trong năm 2024 với khoảng 330 lượt phát sóng; Trang ZaloOA “Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang” hiện có 5.109 lượt người quan tâm, theo dõi.

¹⁰ Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 30/8/2024 về Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Phần II**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NĂM 2025****I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Nghị Quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị Quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 20/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về phát triển kinh tế số giai đoạn 2024-2025;

Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 15/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Chương trình hành động số 70-CTr/TU ngày 20/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị Quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 55/KH-UBND ngày 12/4/2022; số 06/KH-UBND ngày 17/01/2023 điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 12/4/2022 về thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khoá XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 27/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban

hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị Quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cụ thể hóa việc tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả, phấn đấu đạt mục tiêu Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 15/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình hành động số 70-CTr/TU ngày 20/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị Quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị Quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, làm căn cứ, cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về chuyển đổi số. Từng bước nâng thứ hạng của Tuyên Quang trên bảng xếp hạng chỉ số chuyển đổi số (DTI).

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Chính quyền số

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình. 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến, 40% dân số trưởng thành sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Hết tháng 6 năm 2025, 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được gắn định danh cá nhân.

- Tăng cường số hóa dữ liệu, hồ sơ thủ tục hành chính; tối thiểu 50% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức được tái sử dụng thông tin, dữ liệu số hóa thủ tục hành chính.

- Đến ngày 30/6/2025, tất cả lãnh đạo, công chức, viên chức cấp tỉnh, huyện, xã phải xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng và sử dụng chữ ký số để giải quyết công việc.

2.2. Kinh tế số

Phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu:

- Tỷ trọng kinh tế số chiếm trên 18% GRDP của tỉnh;
- Năng suất lao động tăng bình quân từ 7%/năm;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại đạt trên 80%;

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%;

- 100% trung tâm thương mại trên toàn tỉnh, 80% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách.

2.3. Xã hội số

Phân đầu thực hiện các chỉ tiêu:

- Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt trên 50%;
- Hình thành và triển khai tối thiểu 01 trung tâm dữ liệu tỉnh - hạ tầng phục vụ các cơ sở dữ liệu tỉnh, cơ sở dữ liệu dùng chung khác theo quy định của pháp luật;
- 100% các thôn có vùng lõm sóng, đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động; 100% hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng. Mở rộng vùng phủ sóng 4G, 5G trên địa bàn tỉnh, phấn đấu hết năm 2025, tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G đạt tối thiểu 50%;
- Tỷ lệ hồ sơ tư liệu các di sản văn hóa Việt Nam đã được ghi danh, công nhận và xếp hạng được số hóa, hiện diện trên môi trường số đạt tỷ lệ 100%;
- Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh và bảng điểm số đối với sinh viên đạt 100%;
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên toàn quốc triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 100%;
- Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%.

2.4. An toàn thông tin

- Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%.
- Định kỳ tổ chức hoạt động kiểm tra, đánh giá tuân thủ các quy định, giám sát việc thực hiện công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng trong phạm vi quản lý, tối thiểu 01 lần/01 năm.
- Triển khai diễn tập thực chiến an toàn thông tin mạng: Mỗi năm tổ chức tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến an toàn thông tin mạng.
- Kịp thời xử lý, khắc phục các tình huống gây mất an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin của tỉnh; đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn cho các hệ thống, đáp ứng yêu cầu thực tế.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tăng cường công tác kiểm tra việc chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện nhiệm vụ về chuyển đổi số (theo Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 12/4/2022, Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 17/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 12/4/2022 về thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khoá XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030) và việc cụ thể hoá công tác chuyển đổi số theo Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 27/02/2025 của Ủy ban nhân

dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị Quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng số, kỹ năng lãnh đạo, tư duy sáng tạo cho người đứng đầu, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo, triển khai thực hiện chuyển đổi số.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp của các cơ quan Nhà nước; công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng phù hợp với định hướng của Ủy ban nhân dân tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Thể chế, chính sách số

- Tiếp tục triển khai ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển kinh tế số, xã hội số, hạ tầng số của tỉnh đáp ứng yêu cầu thực tế làm căn cứ triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện các chính sách về chuyển đổi số theo hướng dẫn của Chính phủ và các bộ, ban, ngành trung ương.

- Thường xuyên cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Tuyên Quang theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử/Chính phủ số.

- Xây dựng các quy chế, quy trình sử dụng các nền tảng số dùng chung của tỉnh nhằm làm rõ trách nhiệm giữa các bên tham gia đối với quá trình phát triển của các nền tảng số.

3. Phát triển Hạ tầng số

- Triển khai, thực hiện Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội khóa XV về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và các văn bản cụ thể hoá của Chính phủ để triển khai phát triển hạ tầng viễn thông, Internet cáp quang, mở rộng vùng phủ sóng 4G, 5G đến 100% các thôn, tổ dân phố trong tỉnh, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của người dân, đảm bảo yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững. Từng bước triển khai công nghệ truyền tải cáp quang mới XGSPON tốc độ lên đến 10Gb/s tại các khu vực trung tâm có nhu cầu tốc độ cao.

- Triển khai chương trình viễn thông công ích, thực hiện hỗ trợ đối với các gia đình thuộc đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có điện thoại thông minh theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, phấn đấu đạt mục tiêu mỗi hộ gia đình có một điện thoại thông minh.

- Triển khai mạng diện rộng (WAN) của tỉnh để kết nối các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh phục vụ triển khai các hệ thống, phần mềm dùng chung của tỉnh. Nâng cao chất lượng dịch vụ của mạng truyền số liệu chuyên dùng tạo hạ tầng

truyền dẫn ổn định, an toàn; đảm bảo kết nối, kết nối thông suốt bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã.

- Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước; hoàn thành nâng cấp hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; nâng cấp các hệ thống thông tin dùng chung cho toàn tỉnh đáp ứng yêu cầu thực tế.

- Đảm bảo duy trì hoạt động ổn định Nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu (LGSP) của tỉnh phục vụ tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin của tỉnh; duy trì, đảm bảo hoạt động Trung tâm giám sát - điều hành thông minh (IOC) tỉnh Tuyên Quang đáp ứng các yêu cầu thực tế.

- Thực hiện theo lộ trình chuyển đổi IPv4 sang IPv6 để phục vụ xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, chuyển đổi số.

- Tiếp tục nâng cấp hệ thống truyền thanh không dây FM sang Hệ thống Truyền thanh thông minh tại các huyện, thành phố đảm bảo đồng bộ kết nối với hệ thống thông tin nguồn truyền thanh của tỉnh.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành tạo nền tảng phát triển chính quyền số, chuyển đổi số từ cơ sở tới cấp tỉnh, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Kết hợp nguồn ngân sách Trung ương đầu tư, Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình viên thông công ích để phát triển hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh; cân đối bố trí ngân sách của tỉnh cho các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án ứng dụng CNTT trọng tâm, trọng điểm đã được phê duyệt.

- Đẩy mạnh đầu tư, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp, Tập đoàn viễn thông lớn để phát triển cơ sở hạ tầng CNTT và truyền thông của tỉnh.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

4. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, Đề án “Đào tạo nguồn nhân lực an ninh mạng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đề xuất bổ sung chính sách thu hút nhân lực, bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ (bằng các chính sách đãi ngộ trong tuyển dụng, chuyển ngạch nâng ngạch) trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về chuyển đổi số, trong đó ưu tiên hình thức bồi dưỡng trực tuyến qua các nền tảng học trực tuyến.

- Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa

phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội. Phát động phong trào “Bình dân học vụ số”, hướng dẫn người dân biết cách sử dụng dịch vụ công trực tuyến, biết mua, bán các sản phẩm, dịch vụ qua mạng, biết thanh toán không dùng tiền mặt; biết sử dụng các dịch vụ số thiết yếu phục vụ cuộc sống (*y tế, giáo dục, liên lạc, đi lại, du lịch, đọc sách, giải trí, ...*).

5. Phát triển dữ liệu số

- Đẩy mạnh sử dụng các hệ thống dùng chung của tỉnh, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành triển khai từ Trung ương tới địa phương phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Kết nối để khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành. Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu, triển khai các sáng kiến mở dữ liệu.

- Cập nhật danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh; danh mục dữ liệu mở và kế hoạch triển khai cung cấp dữ liệu mở tỉnh; cập nhật dữ liệu vào Cổng cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh phục vụ việc công bố dữ liệu mở, cung cấp thông tin về chia sẻ dữ liệu của cơ quan nhà nước; cung cấp các tài liệu, dịch vụ, công cụ, ứng dụng xử lý, khai thác dữ liệu được công bố bởi các cơ quan nhà nước;... phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ, theo hướng dẫn của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương.

6. An toàn thông tin mạng

- Chú trọng hoạt động giám sát an toàn an ninh thông tin 4 cấp cho các hệ thống dùng chung của tỉnh (SOC) tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; giải pháp phòng chống mã độc tập trung cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng cho các hệ thống dùng chung của tỉnh.

- Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

7. Xây dựng Chính quyền số

- Sử dụng hiệu quả các hệ thống dùng chung tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, như: Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành Ioffice; Hệ thống Hội nghị giao ban điện tử; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; Hệ thống thông tin báo cáo; Hệ thống thư điện tử công vụ;...

- Quản lý, sử dụng hiệu quả Phần mềm số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, phục vụ công tác số hóa hồ sơ, kết quả thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính;

thường xuyên rà soát, cung cấp DVCTT theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ.

- Hàng năm thực hiện đo lường, đánh giá, công bố xếp hạng mức độ chuyển đổi số đối với các cơ quan nhà nước trong tỉnh.

8. Kinh tế số

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế số của tỉnh nhằm đạt được các mục tiêu Thủ tướng Chính phủ giao cho địa phương tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 20/11/2024 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về phát triển kinh tế số giai đoạn 2024 - 2025.

- Tiếp tục ưu tiên phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực của tỉnh, như: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải và Logistics, Tài chính - Ngân hàng, Du lịch;...

- Triển khai các giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số để khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã,... đổi mới, sáng tạo góp phần đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp sử dụng các công cụ thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp.

- Triển khai các chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

- Đẩy mạnh thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh, như: thanh toán trực tuyến phí, lệ phí trong giải quyết TTHC; thanh toán trực tuyến đối với các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, y tế, giáo dục,...; tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến, di động phục vụ người dân (Viettel Money, VNPT Money,...).

- Tiếp tục phát triển thương mại điện tử của tỉnh thông qua chuỗi giá trị, hình thành chuỗi cung ứng, trong đó có sự tham gia của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh với các cơ sở sản xuất, phân phối và các kênh thương mại, các công ty thương mại điện tử trên phạm vi cả nước và quốc tế.

- Tuyên truyền, phổ biến để các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh biết và sử dụng các nền tảng số chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa; tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

9. Xã hội số

- Tiếp tục tuyên truyền, từng bước triển khai phổ cập cho người dân trưởng thành sử dụng chữ ký số cá nhân; phối hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số tổ chức các chiến dịch cấp chữ ký số miễn phí cho người dân, phần đầu mỗi người dân trưởng thành có một chữ ký số cá nhân.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, tích cực triển

khai đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người truy cập, sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến;... góp phần đẩy mạnh chuyển đổi nhận thức của người dân về chuyển đổi số, từng bước hình thành những công dân số, cộng đồng số và văn hóa số.

- Các ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh tiếp tục triển khai các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt cho người dân; phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông để triển khai dịch vụ, phát triển điểm kinh doanh và đơn vị chấp nhận thanh toán để người dân có thể nạp, rút, chuyển tiền; có các chính sách ưu đãi cho người dân khi sử dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt;... phần đầu mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số. Đẩy mạnh triển khai giải pháp hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách.

- Tiếp tục thực hiện chuyển đổi số trong trường học, ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030". Gia tăng tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên toàn quốc triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt.

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chuyển đổi số trong các bệnh viện, như: Triển khai Sổ sức khoẻ điện tử tích hợp trên ứng dụng VneID, ứng dụng các nền tảng số phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; phát triển, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt;...

- Triển khai số hoá hồ sơ, tư liệu các di sản văn hoá trên địa bàn tỉnh đã được ghi danh, công nhận và xếp hạng hiện diện trên môi trường mạng.

- Triển khai, hướng dẫn cho người dân bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản, không làm lộ lọt dữ liệu cá nhân; ngăn chặn được các website, thông tin mà người dân không mong muốn; an toàn khi tham gia các hoạt động thanh toán trên môi trường số.

10. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân và doanh nghiệp

- Duy trì công tác truyền thông số trên các phương tiện thông tin đại chúng, truyền cảm hứng, chuyển đổi nhận thức trong toàn xã hội về chuyển đổi số, như: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Tuyên Quang online; Cổng/Trang Thông tin điện tử; chuyên trang về chuyển đổi số tỉnh; Trạm truyền thanh cơ sở; Trang ZaloOA "Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang"; các trang mạng xã hội;...

- Tổ chức các Hội nghị bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân thông qua nền tảng trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Hướng dẫn người dân sử dụng hiệu quả kênh Zalo "Chuyển đổi số quốc gia",

“Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang”, Ứng dụng Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang (App Tuyên Quang ID) để thúc đẩy sự tham gia của người dân, doanh nghiệp trong công tác giám sát, xây dựng chính quyền; tăng cường mối quan hệ, liên kết và thu hẹp khoảng cách giữa chính quyền các cấp với người dân, doanh nghiệp.

- Tổ chức và triển khai hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực các hoạt động, sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025.

- Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số trên chuyên trang về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang tại địa chỉ: <http://chuyendoiso.tuyenquang.gov.vn/> (Cẩm nang Chuyển đổi số: <https://dx.mic.gov.vn>; Bài học Chuyển đổi số: <https://t63.mic.gov.vn>; Bài toán Chuyển đổi số: <https://c63.mic.gov.vn>).

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan nhà nước và người dân trên địa bàn tỉnh.

11. Đẩy mạnh hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, nguồn lực, tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số, phát triển các ngành, lĩnh vực đang có xu hướng phát triển như: dữ liệu, bán dẫn,...

- Đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số như: điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...; phối hợp, hợp tác với các doanh nghiệp tham mưu những nội dung, nhiệm vụ phù hợp với phạm vi, quy mô công nghệ hiện có của tỉnh.

- Đẩy mạnh thu hút hợp tác về khoa học, công nghệ với các đối tác, đặc biệt là các tập đoàn viễn thông và công nghệ lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nền tảng số; phát triển Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số; hợp tác chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên của tỉnh.

- Lồng ghép các nội dung về liên kết, thu hút hợp tác, đầu tư về khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin, đẩy mạnh thu hút nguồn lực, chuyển giao công nghệ góp phần phát triển hạ tầng, cơ sở vật chất công nghệ thông tin.

- Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động chính quyền số, hỗ trợ người dân khai thác dịch vụ hành chính công một cách đơn giản, thuận tiện;...

- Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với một số tỉnh/thành phố về cơ chế, chính sách phát triển mô hình chính quyền điện tử, chính quyền số.

12. Đảm bảo nguồn lực tài chính

Bố trí, sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, các nguồn hợp pháp khác theo quy định; có quy định, quy trình quản lý, sử dụng hiệu quả. Bố trí ít nhất từ 2 ÷ 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh nêu trong Chương trình hành động số 70-CTr/TU ngày 20/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Nghị Quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị liên quan duy trì hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; ưu tiên đầu tư, triển khai các giải pháp để nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện các thủ tục hành chính.

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện.

- Phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí về chuyển đổi số, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ, theo quy định.

- Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng các chương trình, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số; phát triển giao dịch điện tử, chương trình phát triển hạ tầng viễn thông và Internet; sơ kết đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng năm và tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch vào năm kết thúc.

- Tiếp tục triển khai, thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các ứng dụng dùng chung, chuyên ngành, các HTTT trong nội bộ tỉnh thông qua nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung của tỉnh (LGSP); triển khai kết nối với hệ thống kết nối quốc gia (NDXP); thực hiện liên thông các HTTT giữa các Bộ, ngành.

- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tham mưu, đề xuất thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; xác lập quyền sở hữu công nghiệp.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên bố trí ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ, dự án phát triển ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, phát triển dịch vụ đô thị thông minh;... theo nội dung Kế hoạch.

- Hướng dẫn, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự toán kinh phí theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch theo phân cấp về quản lý ngân sách nhà nước trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách địa phương, ưu tiên bố trí kinh phí theo hình thức thuê dịch vụ CNTT.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương và các đơn vị liên quan thực hiện tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ đăng ký thành lập doanh nghiệp công nghệ số. Triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu liên quan đến doanh nghiệp công nghệ số trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các dự án về chuyển đổi số đảm bảo đúng tiến độ.

4. Sở Nội vụ

- Tổ chức phát động phong trào thi đua chuyển đổi số trong toàn tỉnh, phòng trào “Bình dân học vụ số”. Đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến về chuyển đổi số, đặc biệt đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có thành tích nổi bật, xuất sắc trong triển khai chuyển đổi số của ngành, địa phương.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2025 của tỉnh; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan bổ sung các nội dung về chuyển đổi số, chính quyền điện tử nhằm nâng cao nhận thức, phổ cập kiến thức về chính quyền số, chính quyền điện tử cho các cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh;... lồng ghép trong Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2025 của tỉnh.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Thực hiện đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ số liên tục thay đổi và phát triển; thực hiện chương trình giáo dục phổ thông nội dung kỹ năng số theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đổi mới phương pháp giáo dục trên cơ sở áp dụng công nghệ số, khuyến khích các mô hình giáo dục, đào tạo trên nền tảng số; triển khai các nền tảng dạy học trực tuyến và từng bước phát triển kho tài nguyên giáo dục số; tổ chức bồi dưỡng năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh, phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của ngành.

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030", phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

6. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Bệnh viện thông minh, Bệnh án điện tử, chuyển đổi số tại các đơn vị Bệnh viện tuyến tỉnh, các bệnh viện khu vực, Trung tâm y tế các huyện, thành phố theo lộ trình thực hiện Thông tư 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế quy định hồ sơ bệnh án điện tử; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực y tế.

- Thực hiện Dự án chuyển đổi số mang tính đột phá cho ngành Y tế là Dự án “Chuyển đổi số, Y tế thông minh tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2025-2030”. Với mục tiêu mũi nhọn mang tính đột phá: “*Triển khai, hoàn thiện Bệnh án điện tử, chuyển*

đổi số tại các đơn vị: các Bệnh viện tuyến tỉnh, các Bệnh viện đa khoa khu vực huyện, Trung tâm Y tế các huyện, thành phố theo lộ trình thực hiện Thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế quy định Hồ sơ Bệnh án điện tử; đáp ứng các tiêu chí được quy định tại Thông tư 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế ban hành Bộ Tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh” (Văn bản số 3087/SYT-KHTC ngày 06/12/2024 của Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang về việc tham mưu văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ).

7. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tiếp tục triển khai hệ thống xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Tuyên Quang phục vụ công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh; nâng cao khả năng tiếp cận và khai thác thông tin cho cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp khi có nhu cầu, đồng thời làm nền tảng để tích hợp, kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; rút ngắn thời gian thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Ứng dụng CNTT và hệ thống thông tin địa lý xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý, khai thác giá đất trên địa bàn thành phố phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai.

- Xây dựng bản đồ số về vùng cây trồng để phục vụ việc quản lý thổ nhưỡng, đất đai và đáp ứng yêu cầu về truy suất nguồn gốc. Chủ động triển khai mạnh mẽ việc ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, nhất là ứng dụng công nghệ số, như: trí tuệ nhân tạo, quản trị dữ liệu, IoT, tự động hóa... vào hoạt động sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, quản lý, bảo vệ rừng vv... giúp tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả, đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường và nâng cao khả năng cạnh tranh của nông sản.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, Thể thao và du lịch, như: Tiếp tục triển khai Đề án “Xây dựng hệ thống Du lịch thông minh tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2019 - 2020, tầm nhìn đến 2025” (đuy trì hoạt động Cổng thông tin du lịch và ứng dụng du lịch thông minh tỉnh Tuyên Quang trên thiết bị di động, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sử dụng của doanh nghiệp, du khách và cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động du lịch). Thông qua hệ thống du lịch thông minh góp phần nâng cao hiệu quả công tác quảng bá, thu hút du khách và tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch; xây dựng triển khai Thư viện số tỉnh Tuyên Quang nhằm hiện đại hóa công tác quản lý thư viện hướng tới mục tiêu thư viện số, nâng cao khả năng phục vụ, quản lý và khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên hiện có tại Thư viện tỉnh;...

9. Sở Tư pháp

Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch, góp phần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử. Đáp ứng tốt yêu cầu đăng ký, quản lý hộ tịch theo Luật Hộ tịch và giải quyết thủ tục hành chính trong đăng ký hộ tịch trực tuyến, có khả năng kết nối để cung cấp thông tin hộ

tịch cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan toàn bộ hộ tịch đã được đăng ký. Đảm bảo số liệu trong sổ hộ tịch giấy lưu trữ tại Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã được cập nhật, số hóa vào cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc.

10. Công an tỉnh

- Chủ trì, thực hiện các nhiệm vụ về an toàn thông tin đã nêu tại tiêu mục 2.4, mục 2, phần II và mục 6, phần III của Kế hoạch này;

- Tiếp tục chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các kết nối có liên quan đến CSDL/HTTT do Trung tâm dữ liệu dân cư, Bộ Công an quản lý, vận hành.

11. Các sở, ban, ngành; đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Người đứng đầu cơ quan, Thủ trưởng các đơn vị quan tâm, quyết liệt chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, đặc biệt gắn việc ứng dụng công nghệ thông tin với thực hiện cải cách hành chính.

- Chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả và đảm bảo tiến độ các nhiệm vụ được giao cho cơ quan, đơn vị tại **Phụ lục 02 Kế hoạch này**; triển khai đầu tư các hạng mục phù hợp, khoa học, đồng bộ, đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà nước và Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh.

- Lồng ghép, cập nhật nội dung, nhiệm vụ các chương trình, kế hoạch, đề án chuyển đổi số của Bộ ngành chủ quản với nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch này.

- Chủ động tổ chức các cuộc họp giao ban trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên Hệ thống Hội nghị giao ban điện tử tỉnh; sử dụng có hiệu quả các phần mềm dùng chung của tỉnh.

- Căn cứ Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Tuyên Quang có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu do cơ quan, đơn vị mình quản lý về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; thực hiện cung cấp dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu dùng chung tỉnh theo Danh mục dữ liệu mở và kế hoạch triển khai cung cấp dữ liệu mở được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;... phục vụ chia sẻ dữ liệu cho các cơ quan khác khai thác, sử dụng; hằng năm chủ động rà soát các CSDL/HTTT mới xây dựng của cơ quan, đơn vị, địa phương, gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố trong Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung/Dữ liệu mở tỉnh.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu qua trục LGSP; triển khai đầu tư các hạng mục phù hợp, khoa học, đồng bộ, đảm bảo tuân thủ các quy định của Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

- Xây dựng, triển khai thực hiện các nội dung tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh khai thác, ứng dụng CNTT, gắn kết chặt chẽ CNTT với cải cách hành chính, sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.

- Thực hiện chế độ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch (qua Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp): Báo cáo Quý I (trước ngày 10/3/2024), Báo cáo 6 tháng (trước ngày 15/6/2024), Báo cáo quý III (trước ngày

10/9/2024), Báo cáo năm 2024 (trước ngày 10/12 /2024); thực hiện các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung; các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tìm phương án giải quyết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

Phối hợp với chính quyền, ngành chức năng và các tổ chức thành viên tuyên truyền vận động, đoàn viên, hội viên, nhân dân tích cực tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

13. Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn tỉnh

- Đẩy mạnh tuyên truyền chuyển đổi nhận thức của xã hội về chuyển đổi số thông qua các kênh truyền thông, chuyên trang, chuyên mục trên các chương trình phát thanh, truyền hình.

- Phổ biến, lan tỏa câu chuyện thành công, tôn vinh các mô hình, tấm gương thành công điển hình về chuyển đổi số.

V. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

(Chi tiết tại Phụ lục 02)

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp) để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh; tổ chức CT-XH nghề nghiệp;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Báo Tuyên Quang, Đài PTTH tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Hội Doanh nhân trẻ tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TG CNTT 02.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sơn